

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014



**TÔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	9

13/05/2014 17:00:17

# TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

## THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**

Số 4103003829

Đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 9 năm 2005

**Giấy chứng nhận đăng ký  
doanh nghiệp công ty cổ phần**

Số 0301479273 ngày 4 tháng 6 năm 2014

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hữu Bốn

Chủ tịch

Ông Đinh Văn Dĩnh

Phó Chủ tịch

Ông Đỗ Văn Thanh

Thành viên

Ông Bùi Tuấn Anh

Thành viên

Ông Fong Nyuk Loon

Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đỗ Văn Thanh

Tổng Giám đốc

Ông Bùi Tuấn Anh

Phó Tổng Giám đốc

Ông Phạm Thanh Minh

Phó Tổng Giám đốc

Ông Trương Việt Phương

Phó Tổng Giám đốc

Ông Ngô Ngọc Thương

Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Đỗ Văn Thanh

Tổng Giám đốc

**Trụ sở chính**

Lầu 10, Tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ  
Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

## TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần ("Công ty mẹ") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 31. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Thanh  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 29 tháng 8 năm 2014

476  
CÔNG  
THIỆ  
KH  
GT  
HẤP  
I  
C  
N. S. D. N. 0301479273-C.T.G.P.



## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty cổ phần (“Công ty mẹ”) và các công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”) được soạn lập ngày 30 tháng 6 năm 2014 và được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn vào ngày 29 tháng 8 năm 2014. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên cùng các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ trang 5 đến trang 31. Ban Tổng Giám đốc của Công ty mẹ chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ vào việc soát xét của chúng tôi.

### **Phạm vi soát xét**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – *Công tác soát xét báo cáo tài chính*. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân viên của Tổng Công ty và áp dụng những thủ tục phân tích cần thiết trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn một cuộc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây là không được soạn lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại nước CHXHCN Việt Nam.



## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý đến Thuyết minh số 10 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ rằng, từ năm 2013 Công ty mẹ và các đối tác trong dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án “Cao ốc văn phòng Dragon Tower” đã thảo luận xem xét lại hợp đồng hợp tác kinh doanh và đề xuất thay đổi phương án phân chia lợi nhuận sang phương án kết hợp phân chia sản phẩm và phân chia doanh thu, chi phí. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty mẹ và các đối tác vẫn chưa hoàn tất thủ tục ký kết lại phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh để điều chỉnh phương án phân chia kết quả hoạt động của dự án. Do đó, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty không dự phòng một khoản nợ là khoản chênh lệch giữa tiền thuế văn phòng phải trả cho Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần, nhà điều hành cao ốc và phần lợi nhuận được chia từ việc kinh doanh dự án “Cao ốc văn phòng Dragon Tower” với số tiền khoảng 22,1 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty ghi nhận khoản nợ này, tổng nợ phải trả của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ tăng một khoản 22,1 tỷ đồng, lợi nhuận trong kỳ sẽ giảm 17 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ giảm một khoản là 22,1 tỷ đồng.

## Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 được kiểm toán/soát xét bởi một đơn vị kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán/soát xét của họ đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Tuy nhiên đối với báo cáo kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đơn vị kiểm toán có lưu ý về khoản nợ tiềm tàng.

## Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)



Quách Thành Châu  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0875-2013-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Đào Quang Huy  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1895-2013-006-1

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM4323  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2014

Như đã nêu trong thuyết minh số 2.1 cho báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mẫu số B 01 – DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2014 VNĐ	Tại ngày 31.12.2013 VNĐ
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>621.034.115.026</b>	<b>634.420.980.453</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	53.038.066.741	36.005.372.620
111	Tiền		46.109.613.524	27.779.037.509
112	Các khoản tương đương tiền		6.928.453.217	8.226.335.111
<b>120</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>400.000.000</b>	<b>562.503.330</b>
121	Đầu tư ngắn hạn		400.000.000	562.503.330
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>481.839.945.153</b>	<b>528.275.767.229</b>
131	Phải thu khách hàng	4	80.294.437.556	106.289.372.549
132	Trả trước cho người bán		35.604.923.651	15.752.627.940
134	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	5	346.553.353.967	387.670.817.636
135	Các khoản phải thu khác	6	19.538.424.298	18.714.143.423
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(151.194.319)	(151.194.319)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	7	<b>24.513.432.973</b>	<b>21.449.868.881</b>
141	Hàng tồn kho		24.513.432.973	21.449.868.881
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>61.242.670.159</b>	<b>48.127.468.393</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		4.649.301.619	7.881.561.208
152	Thuế GTGT được khấu trừ		5.585.428.321	7.032.729.085
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		198.110.892	95.996.444
158	Tài sản ngắn hạn khác	8	50.809.829.327	33.117.181.656
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>183.713.859.821</b>	<b>186.299.447.291</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>15.788.297.401</b>	<b>16.825.126.124</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	7.107.133.308	7.245.587.017
222	Nguyên giá		36.671.003.050	35.390.359.088
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(29.563.869.742)	(28.144.772.071)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	8.681.164.093	9.579.539.107
228	Nguyên giá		16.312.424.806	16.168.424.806
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.631.260.713)	(6.588.885.699)
<b>250</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>153.334.600.000</b>	<b>153.334.600.000</b>
258	Đầu tư dài hạn khác	10	153.334.600.000	153.334.600.000
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>14.590.962.420</b>	<b>16.139.721.167</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	11	13.968.822.420	15.486.801.167
268	Tài sản dài hạn khác		222.000.000	222.000.000
269	Lợi thế thương mại		400.140.000	430.920.000
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>804.747.974.847</b>	<b>820.720.427.744</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**


Mẫu số B 01 – DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2014 VNĐ	Tại ngày 31.12.2013 VNĐ
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>486.879.238.020</b>	<b>509.185.143.153</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>473.937.865.289</b>	<b>494.585.149.295</b>
311	Vay và nợ ngắn hạn	12(a)	180.102.065.353	177.884.677.948
312	Phải trả người bán	13	97.328.812.567	101.726.288.083
313	Người mua trả tiền trước		30.735.377.738	25.838.038.581
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	7.142.786.567	5.388.312.324
315	Phải trả người lao động		14.822.553.580	25.491.824.803
316	Chi phí phải trả	15	100.965.595.591	111.547.891.466
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	27.994.274.235	33.995.629.278
320	Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	12.685.032.120	12.171.410.199
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.161.367.538	541.076.613
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>12.941.372.731</b>	<b>14.599.993.858</b>
333	Phải trả dài hạn khác		191.372.731	349.993.858
334	Vay và nợ dài hạn	12(b)	12.750.000.000	14.250.000.000
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>302.522.519.914</b>	<b>296.210.851.317</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>302.522.519.914</b>	<b>296.210.851.317</b>
411	Vốn cổ phần	18, 19	250.000.000.000	250.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	11.421.558.415	11.421.558.415
413	Vốn khác của chủ sở hữu	19	1.600.295.812	1.600.295.812
417	Quỹ đầu tư phát triển	19	7.641.610.426	7.595.878.719
418	Quỹ dự phòng tài chính	19	9.699.487.878	8.782.076.932
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	19	88.312.880	88.312.880
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19	22.071.254.503	16.722.728.559
<b>439</b>	<b>LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	20	<b>15.346.216.913</b>	<b>15.324.433.274</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>804.747.974.847</b>	<b>820.720.427.744</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 76.855 đô la Mỹ (31.12.2013: 197.893 đô la Mỹ).



Lê Quang Thắng  
Người lập



Hồ Khả Thịnh  
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Thanh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

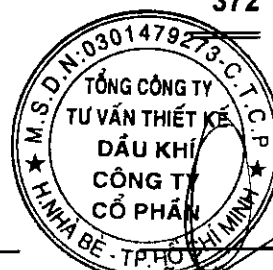
Mẫu số B 02 – DN/HN

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30.6.2014 VNĐ	30.6.2013 VNĐ
01	Doanh thu	258.506.274.858	225.232.812.883
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần	258.506.274.858	225.232.812.883
11	Giá vốn	(208.691.386.526)	(188.872.904.877)
20	Lợi nhuận gộp	49.814.888.332	36.359.908.006
21	Doanh thu hoạt động tài chính	312.733.298	679.893.112
22	Chi phí tài chính	(9.553.663.312)	(4.665.871.697)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(9.553.446.925)	(4.627.673.526)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(28.377.991.882)	(28.079.678.495)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.195.966.436	4.294.250.926
31	Thu nhập khác	201.317.434	932.044.269
32	Chi phí khác	(35.083.614)	(28.366.201)
40	Lợi nhuận khác	166.233.820	903.678.068
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.362.200.256	5.197.928.994
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(2.950.710.335)	(1.164.582.511)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.411.489.921	4.033.346.483
	Phân bổ cho:		
61	Cổ đông thiểu số	117.978.855	(367.330.808)
62	Cổ đông của công ty mẹ	9.293.511.066	4.400.677.291
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	176

Lê Quang Thắng  
Người lập

Hồ Khả Thịnh  
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Thanh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

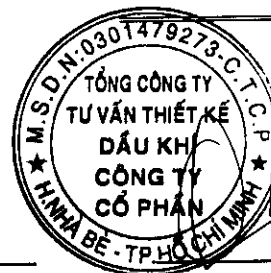
**Mẫu số B 03 – DN/HN**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30.6.2014 VNĐ	30.6.2013 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế	12.362.200.256	5.197.928.994
02	Điều chỉnh cho các khoản:		
	Khấu hao tài sản cố định	2.476.323.814	3.065.106.677
0	Lãi từ hoạt động đầu tư	(312.733.298)	(688.074.930)
06	Chi phí lãi vay	9.553.446.925	4.627.673.526
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	24.079.237.697	12.202.634.267
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	29.996.203.903	(43.472.768.108)
10	Tăng hàng tồn kho	(3.063.564.092)	(15.380.824.114)
11	Giảm các khoản phải trả	(25.408.191.908)	(8.116.121.877)
12	Giảm/(tăng) các chi phí trả trước	4.750.238.336	(9.322.224.648)
13	Tiền lãi vay đã trả	(9.550.827.376)	(4.618.402.365)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(3.278.760.424)	(766.270.070)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	268.440.148	196.880.436
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(966.338.425)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	16.826.437.859	(69.277.096.479)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm TSCĐ	(1.439.495.091)	(1.124.639.172)
22	Thu từ thanh lý TSCĐ	17.000.000	8.181.818
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(249.400.000)
27	Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	312.733.298	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.109.761.793)	(1.365.857.354)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay nhận được	137.729.752.325	105.040.321.319
34	Chi trả nợ gốc vay	(135.512.364.920)	(50.486.922.348)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông	(901.369.350)	(10.993.681.075)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	1.316.018.055	43.559.717.896
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	17.032.694.121	(27.083.235.937)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	36.005.372.620	62.578.002.649
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	53.038.066.741	35.494.766.712

Lê Quang Thắng  
Người lập

Hồ Khả Thịnh  
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Thanh  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

# TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Mẫu số B 09 – DN/HN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014

### 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY MẸ

Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (“Công ty mẹ”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301479273 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003829 ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Công ty mẹ được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí, một công ty nhà nước, thành viên của Tổng Công ty Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”). Theo Nghị quyết số 1894/NQ-DKVN ngày 9 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên của Petro Việt Nam, Công ty mẹ được chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và đã thực hiện việc đăng ký chuyển đổi tên thành Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 13 tháng 5 năm 2011.

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”) là hoạt động tư vấn, quản lý, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về vấn đề tài chính kế toán); khai thác hoạt động các dự án dầu khí và các dự án xây dựng khác; khảo sát xây dựng, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty có 593 nhân viên (31.12.2013: 629 nhân viên).

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con được liệt kê như sau:

	Hoạt động chính	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	Vốn điều lệ đã góp	
			30.6.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ
Công ty Cổ phần Tư vấn quản lý Dự án Dầu khí PVE	Tư vấn quản lý dự án	91,46	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE	Kiểm định và dịch vụ kỹ thuật	86,75	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí	Xây dựng công trình dân dụng và chuyên dụng	44,39	10.800.000.000	10.800.000.000

## 2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty mẹ được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các nghiệp vụ và số dư nội bộ giữa Công ty mẹ và các công ty con được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### 2.3 Hợp nhất

Công ty mẹ soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – *Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con*.

#### **Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty mẹ có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty mẹ. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty mẹ áp dụng.

#### **Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông thiểu số**

Tổng Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông thiểu số giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tổng Công ty. Khoản lãi hoặc lỗ từ việc bán bớt cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc mua cổ phần từ cổ đông thiểu số sẽ tạo ra lợi thế thương mại, là sự chênh lệch giữa khoản tiền thanh toán và phần giá trị tài sản thuần thể hiện trên sổ sách của công ty con.

**2.3 Hợp nhất (tiếp theo)**

***Liên doanh và công ty liên kết***

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Công ty mẹ vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Công ty mẹ được chia sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Công ty mẹ trong liên doanh và các công ty liên kết, Công ty mẹ sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty mẹ trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Công ty mẹ áp dụng.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2.5 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

# TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Mẫu số B 09 – DN/HN

## 2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

## 2.8 Hàng tồn kho

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày kết thúc niên độ bao gồm các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong năm liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp, khảo sát, thiết kế công trình. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm còn bao gồm giá thành của nhà thầu phụ hoàn thành bàn giao chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

## 2.9 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết được Tổng Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng kế toán hợp nhất. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư này.

## 2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

### *Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Phần mềm	5 - 8 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao.

### *Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2.11 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.12 Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**2.13 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng.

**2.14 Ghi nhận doanh thu**

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng.

(b) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

(c) Doanh thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng

Doanh thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tương ứng với phần công việc đã hoàn thành, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ công việc đã hoàn thành so với tổng khối lượng công việc phải cung cấp.

(d) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**2.15 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.16 Chia cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội Cổ đông thường niên.

**2.17 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



# TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Mẫu số B 09 – DN/HN

## 2.18 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

## 2.19 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu.

## 2.20 Phân chia lợi nhuận

### (a) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

### (b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

### (c) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Tập đoàn Tổng Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

## 3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.6.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ
Tiền mặt	15.072.002.915	7.718.501.771
Tiền gửi ngân hàng	31.037.610.609	20.060.535.738
Các khoản tương đương tiền (*)	6.928.453.217	8.226.335.111
	<u>53.038.066.741</u>	<u>36.005.372.620</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn với thời gian đáo hạn ban đầu trong vòng 3 tháng.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>30.6.2014</b> VNĐ	<b>31.12.2013</b> VNĐ
Bên thứ ba	53.037.523.732	44.208.547.884
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	27.256.913.824	62.080.824.665
	<u>80.294.437.556</u>	<u>106.289.372.549</u>

**5 PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG**

Các khoản phải thu theo tiến độ chủ yếu bao gồm các khoản phải thu liên quan đến các dịch vụ tư vấn thiết kế và khảo sát mà Tổng Công ty đã thực hiện theo yêu cầu của khách hàng, nhưng chưa xuất hóa đơn.

**6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>30.6.2014</b> VNĐ	<b>31.12.2013</b> VNĐ
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	10.274.384.022	10.568.534.794
Phải thu tiền đặt cọc thuê văn phòng	2.764.030.109	2.659.600.882
Khác	6.500.010.167	5.486.007.747
	<u>19.538.424.298</u>	<u>18.714.143.423</u>

**7 HÀNG TỒN KHO**

	<b>30.6.2014</b> VNĐ	<b>31.12.2013</b> VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	2.320.000	8.320.000
Công cụ, dụng cụ	67.429.728	69.169.728
Chi phí SXKD dở dang	24.443.683.245	21.372.379.153
	<u>24.513.432.973</u>	<u>21.449.868.881</u>

**8 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

Tài sản ngắn hạn khác chủ yếu thể hiện các khoản tạm ứng lương và tạm ứng các khoản chi phí cho nhân viên để thực hiện các dự án của Tổng Công ty mà chưa hoàn thành và chưa được hoàn ứng tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	5.134.479.997	15.798.462.251	5.380.680.253	9.076.736.587	35.390.359.088
Tăng trong kỳ	-	293.000.000	1.002.495.091	-	1.295.495.091
Thanh lý	-	-	(14.851.129)	-	(14.851.129)
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	<b>5.134.479.997</b>	<b>16.091.462.251</b>	<b>6.368.324.215</b>	<b>9.076.736.587</b>	<b>36.671.003.050</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	3.980.634.402	13.866.102.479	3.109.848.808	7.188.186.382	28.144.772.071
Khấu hao trong kỳ	170.115.720	429.248.911	428.884.375	405.699.794	1.433.948.800
Thanh lý	-	-	(14.851.129)	-	(14.851.129)
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	<b>4.150.750.122</b>	<b>14.295.351.390</b>	<b>3.523.882.054</b>	<b>7.593.886.176</b>	<b>29.563.869.742</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	1.153.845.595	1.932.359.772	2.270.831.445	1.888.550.205	7.245.587.017
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	<b>983.729.875</b>	<b>1.796.110.861</b>	<b>2.844.442.161</b>	<b>1.482.850.411</b>	<b>7.107.133.308</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 17,8 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 13,7 tỷ đồng).

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	4.183.395.276	11.985.029.530	16.168.424.806
Mua trong kỳ	-	144.000.000	144.000.000
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	<b>4.183.395.276</b>	<b>12.129.029.530</b>	<b>16.312.424.806</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	-	6.588.885.699	6.588.885.699
Khấu hao trong kỳ	-	1.042.375.014	1.042.375.014
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	<b>-</b>	<b>7.631.260.713</b>	<b>7.631.260.713</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	4.183.395.276	5.396.143.831	9.579.539.107
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	<b>4.183.395.276</b>	<b>4.497.768.817</b>	<b>8.681.164.093</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 1,8 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1,8 tỷ đồng).

## TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Mẫu số B 09 – DN/HN

### 10 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") từ năm 2009 giữa Công ty mẹ với các bên gồm Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty cổ phần ("PV Gas") và Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long ("Phú Long"), để góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác dự án Cao ốc văn phòng Dragon Tower ("Dự án") với tổng mức đầu tư dự kiến là 827 tỷ đồng. Chi tiết khoản đầu tư vào Dự án của Công ty mẹ như sau:

	Cam kết góp vốn theo hợp đồng		Số vốn thực góp	
	VND	%	30.6.2014 VND	31.12.2013 VND
Dự án	<u>165.400.000.000</u>	<u>20</u>	<u>153.334.600.000</u>	<u>153.334.600.000</u>

Công ty mẹ đã sử dụng quyền, quyền lợi và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh để thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 12).

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2013, các bên đầu tư đã họp bàn để thảo luận việc chuyển đổi từ phương pháp phân chia lợi nhuận hiện hữu sang phương pháp kết hợp cả hình thức phân chia sản phẩm và phân chia doanh thu, chi phí. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các bên đầu tư vẫn chưa hoàn tất thủ tục ký kết phụ lục để thống nhất việc thay đổi phương pháp phân chia lợi nhuận. Do đó, tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty không dự phòng một khoản nợ là khoản chênh lệch giữa tiền thuê văn phòng phải trả cho Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần, nhà điều hành cao ốc và phần lợi nhuận được chia từ việc kinh doanh dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower" với số tiền khoảng 22,1 tỷ đồng. Nếu Tổng Công ty ghi nhận khoản nợ này, tổng nợ phải trả của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ tăng một khoản 22,1 tỷ đồng, lợi nhuận trong kỳ sẽ giảm 17 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ giảm một khoản là 22,1 tỷ đồng. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc thay đổi phương pháp phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện trước ngày 31 tháng 12 năm 2014, theo đó, dự phòng không cần thiết phải trích lập.

### 11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30.6.2014 VND	31.12.2013 VND
Số dư đầu kỳ	15.486.801.167	15.817.237.420
Tăng trong kỳ	1.059.366.567	1.317.031.349
Kết chuyển từ tài sản cố định	-	2.584.907.291
Phân bổ trong kỳ	(2.577.345.314)	(4.140.897.622)
Giảm khác	-	(91.477.271)
Số dư cuối kỳ	<u>13.968.822.420</u>	<u>15.486.801.167</u>

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí trang trí nội thất và sửa chữa văn phòng được phân bổ trong vòng 96 tháng.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**12 CÁC KHOẢN VAY**

**(a) Vay ngắn hạn**

	<b>30.6.2014</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2013</b> <b>VNĐ</b>
Vay ngắn hạn	177.102.065.353	174.884.677.948
Vay dài hạn đến hạn trả	3.000.000.000	3.000.000.000
	<u>180.102.065.353</u>	<u>177.884.677.948</u>

Vay ngắn hạn từ một ngân hàng thương mại với hạn mức tối đa là 320 tỷ đồng chịu lãi suất từ 8% đến 9,5%/năm.

**(b) Vay dài hạn**

	<b>30.6.2014</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2013</b> <b>VNĐ</b>
Vay dài hạn	15.750.000.000	17.250.000.000
Trừ: các khoản nợ đáo hạn trong vòng 1 năm	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
	<u>12.750.000.000</u>	<u>14.250.000.000</u>

Vay dài hạn từ một ngân hàng thương mại chịu lãi suất 11,8%/năm và được thanh toán trước ngày 1 tháng 9 năm 2019.

Công ty mẹ sử dụng quyền và lợi ích phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower" để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh 10).

**13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>30.6.2014</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2013</b> <b>VNĐ</b>
Bên thứ ba	44.233.039.063	43.170.856.071
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	53.095.773.504	58.555.432.012
	<u>97.328.812.567</u>	<u>101.726.288.083</u>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>30.6.2014</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2013</b> <b>VNĐ</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.728.181.034	757.206.616
Thuế giá trị gia tăng	4.198.879.380	4.013.993.703
Thuế thu nhập cá nhân	214.746.953	616.132.805
Các loại thuế khác	979.200	979.200
	<u>7.142.786.567</u>	<u>5.388.312.324</u>

**15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả chủ yếu bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các dịch vụ tư vấn thiết kế và khảo sát cho các dự án dầu khí mà Tổng Công ty đang thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

**16 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30.6.2014</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2013</b> <b>VNĐ</b>
Cổ tức phải trả	7.835.703.939	8.737.073.289
Nguồn kinh phí sự nghiệp	2.513.000.000	2.513.000.000
Kinh phí công đoàn	2.517.307.852	2.305.230.492
Quỹ tương trợ ủng hộ	2.170.925.207	1.964.879.234
Các khoản khác	12.957.337.237	18.475.446.263
	<u>27.994.274.235</u>	<u>33.995.629.278</u>

**Trong đó:**

Bên thứ ba	17.645.570.296	16.144.589.764
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	10.348.703.939	17.851.039.514
	<u>27.994.274.235</u>	<u>33.995.629.278</u>

**17 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Tổng Công ty lập dự phòng bảo hành với tỷ lệ từ 1% đến 3% cho các dự án tư vấn thiết kế với thời hạn bảo hành 2 năm kể từ thời điểm dự án bàn giao. Khoản dự phòng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là giá trị hiện tại của chi phí ước tính mà Tổng Công ty phải trả để sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị trong thời gian bảo hành do chưa quyết toán hợp đồng.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**18 VỐN CỔ PHẦN**

**(a) Số lượng cổ phiếu**

	<b>30.6.2014</b> <b>Cổ phiếu</b> <b>phổ thông</b>	<b>31.12.2013</b> <b>Cổ phiếu</b> <b>phổ thông</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

**(b) Chi tiết vốn góp của cổ đông**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 15 số 0301479273 ngày 4 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 250 tỷ đồng, chi tiết như sau:

	<b>30.6.2014</b> <b>VNĐ</b>	<b>%</b>	<b>31.12.2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>%</b>
Tổng Công ty dầu khí Việt Nam	72.500.000.000	29,00	72.500.000.000	29,00
Technip Geoproduction Sdh Bhd	25.000.000.000	10,00	25.000.000.000	10,00
Ông Nguyễn Tiến Dũng	15.600.000.000	6,24	5.600.000.000	2,24
Vietnam Equity Holding	14.826.675.000	5,93	14.826.675.000	5,93
Ông Đỗ Đức Hiếu	11.496.690.000	4,60	21.496.690.000	8,60
Các cổ đông khác	110.576.635.000	44,23	110.576.635.000	44,23
	<u>250.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>250.000.000.000</u>	<u>100</u>





## TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Mẫu số B 09 – DN/HN

### 20 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con.

Chi tiết của lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	30.6.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ
Số dư đầu kỳ/năm	15.324.433.274	15.419.852.775
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số trong kỳ/năm	117.978.855	129.755.915
Cổ tức đã chia	(96.195.216)	(225.397.366)
Khác	-	221.950
Số dư cuối kỳ/năm	<u>15.346.216.913</u>	<u>15.324.433.274</u>

### 21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2014	30.6.2013
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	9.293.511.066	4.400.677.291
Bình quân số cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>372</u>	<u>176</u>

### 22 DOANH THU

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30.6.2014 VNĐ	30.6.2013 VNĐ
Doanh thu cung cấp dịch vụ	105.473.628.411	125.441.568.469
Doanh thu bán hàng	50.240.586.915	46.787.585.995
Doanh thu xây dựng, sửa chữa và lắp đặt	74.507.906.099	45.936.811.343
Doanh thu khảo sát	11.743.347.795	6.366.518.214
Doanh thu khác	16.540.805.638	700.328.862
	<u>258.506.274.858</u>	<u>225.232.812.883</u>

**TÔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**23 GIÁ VÓN HÀNG BÁN**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2014</b>	<b>30.6.2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.750.279.227	57.702.699.782
Chi phí nhân viên	52.716.852.368	55.807.304.091
Chi phí khấu hao	2.101.780.087	2.579.967.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.549.947.082	48.361.612.380
Chi phí khác	15.572.527.762	24.421.321.404
	<u>208.691.386.526</u>	<u>188.872.904.877</u>

**24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2014</b>	<b>30.6.2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	9.553.446.925	4.627.673.526
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	37.654.105
Khác	216.387	544.066
	<u>9.553.663.312</u>	<u>4.665.871.697</u>

**25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2014</b>	<b>30.6.2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lương	8.118.665.784	7.771.121.416
Chi phí thuê văn phòng	2.073.701.916	2.691.401.400
Chi phí khấu hao	374.543.727	1.013.101.391
Chi phí quản lý tòa nhà	1.504.981.635	2.245.770.120
Chi phí cải tạo văn phòng	1.498.711.809	1.498.711.809
Phụ cấp ăn trưa	1.452.480.789	1.559.826.000
Công tác phí	2.705.502.325	182.114.207
Chi phí khác	10.649.403.897	11.117.632.152
	<u>28.377.991.882</u>	<u>28.079.678.495</u>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**26 THUẾ**

Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 thuế suất tính thuế TNDN là 22% cho năm tài chính 2014 (2013: 25%). Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 22% được thể hiện như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2014</b>	<b>30.6.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.362.200.256	5.197.928.994
Thuế tính ở thuế suất 22% (2013: 25%)	2.719.684.056	1.299.482.249
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(158.400.000)	(73.979.974)
Chi phí không được khấu trừ	238.596.951	135.974.094
Chuyển lỗ tính thuế	(14.342.270)	(363.554.302)
Khác	165.171.598	166.660.444
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>2.950.710.335</u>	<u>1.164.582.511</u>
Trong đó:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	2.950.710.335	1.164.582.511
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	-	-
	<u>2.950.710.335</u>	<u>1.164.582.511</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2014</b>	<b>30.6.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	98.880.249.026	73.663.234.946
Chi phí nhân viên	72.234.722.742	73.242.385.871
Chi phí khấu hao	2.476.323.814	3.065.106.677
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.129.517.842	63.430.796.439
Chi phí khác	34.933.723.560	31.382.253.637
	<u>271.654.536.984</u>	<u>244.783.777.570</u>

# TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Mẫu số B 09 – DN/HN

## 28 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, bao gồm: Dịch vụ - Tư vấn - Thiết kế, xây lắp và dịch vụ khác. Mặt khác, Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Tổng Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Chi tiết báo cáo bộ phận được trình bày như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

	30.6.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ
<b>Tài sản bộ phận</b>		
Dịch vụ - Tư vấn - Thiết kế	704.634.651.306	727.470.170.029
Xây lắp	74.885.711.648	68.008.401.633
Khác	84.061.743.371	86.975.949.004
	<hr/>	<hr/>
	863.582.106.325	882.454.520.666
Loại trừ	(58.834.131.478)	(61.734.092.922)
	<hr/>	<hr/>
	804.747.974.847	820.720.427.744
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	<b>30.6.2014 VNĐ</b>	<b>31.12.2013 VNĐ</b>
<b>Nợ phải trả bộ phận</b>		
Dịch vụ - Tư vấn - Thiết kế	404.019.445.613	433.267.874.628
Xây lắp	53.185.777.393	46.295.339.175
Khác	49.234.070.086	52.112.725.866
	<hr/>	<hr/>
	506.439.293.092	531.675.939.669
Loại trừ	(19.560.055.072)	(22.490.796.516)
	<hr/>	<hr/>
	486.879.238.020	509.185.143.153
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mẫu số B 09- DN/HN**

**28 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2014</b>	<b>30.6.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Doanh thu bộ phận</b>		
Dịch vụ - Tư vấn - Thiết kế	211.507.019.975	184.651.518.041
Xây lắp	62.593.864.256	30.149.749.061
Khác	20.964.557.614	18.778.503.413
	<u>295.065.441.845</u>	<u>233.579.770.515</u>
Loại trừ	(36.559.166.987)	(8.346.957.632)
	<u>258.506.274.858</u>	<u>225.232.812.883</u>
<b>Giá vốn bộ phận</b>		
Dịch vụ - Tư vấn - Thiết kế	(170.856.627.407)	(153.616.214.682)
Xây lắp	(57.055.075.240)	(27.417.224.717)
Khác	(17.296.936.866)	(16.186.423.110)
	<u>(245.208.639.513)</u>	<u>(197.219.862.509)</u>
Loại trừ	36.517.252.987	8.346.957.632
	<u>(208.691.386.526)</u>	<u>(188.872.904.877)</u>
<b>Lợi nhuận gộp bộ phận</b>		
Dịch vụ - Tư vấn - Thiết kế	40.650.392.568	31.035.303.359
Xây lắp	5.538.789.016	2.732.524.344
Khác	3.667.620.748	2.592.080.303
	<u>(41.914.000)</u>	<u>-</u>
Loại trừ	49.814.888.332	36.359.908.006
	<u>49.814.888.332</u>	<u>36.359.908.006</u>

**29 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các hoạt động của Tổng Công ty có thể chịu một số rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Tổng Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

**(a) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

*(i) Rủi ro tiền tệ*

Tổng Công ty chủ yếu thực hiện các giao dịch bằng đồng Việt Nam nên Ban Tổng Giám đốc đánh giá ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của ngoại tệ không trọng yếu.

*(ii) Rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất đáng kể đối với các khoản vay của Tổng Công ty. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, nếu lãi suất VNĐ tăng/giảm 2% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ sẽ thấp/cao hơn 3,8 tỷ đồng Việt Nam do chi phí lãi của các khoản vay này cao/thấp hơn.

*(iii) Rủi ro giá*

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các khoản đầu tư dài hạn khác. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Các khoản đầu tư vào các công ty con và đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Chính sách của Tổng Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**29 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi- phải- sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<b>Dưới 1 năm VNĐ</b>	<b>Từ 1 đến 2 năm VNĐ</b>	<b>Từ 2 đến 5 năm VNĐ</b>
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>			
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	226.119.134.865	169.547.528	-
Các khoản vay	180.102.065.353	12.000.000.000	750.000.000
	<u>406.221.200.218</u>	<u>12.169.547.528</u>	<u>750.000.000</u>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>			
Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	246.929.814.969	339.993.858	-
Các khoản vay	177.884.677.948	12.000.000.000	2.250.000.000
	<u>424.814.492.917</u>	<u>12.339.993.858</u>	<u>2.250.000.000</u>

**30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Cổ đông lớn nhất của Công ty mẹ là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Petro Việt Nam"), sở hữu 29% vốn cổ phần của Công ty mẹ.

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong kỳ, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2014 VNĐ</b>	<b>30.6.2013 VNĐ</b>
<b>i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ</b>		
Các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	104.337.543.229	105.021.870.000
Technip Geoproduction (M) Sdn Bhd	-	21.119.898.800
Công ty TNHH Technip Việt Nam	1.345.554.076	8.375.680.432
	<u>105.683.107.305</u>	<u>134.517.449.232</u>

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30.6.2014</b>	<b>30.6.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Petro Việt Nam	3.883.939	-
Các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	3.522.547.296	22.037.349.711
	<u>3.526.431.235</u>	<u>22.037.349.711</u>
<b>iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương	2.318.745.121	2.231.670.374
Tiền thưởng	171.242.000	201.274.917
	<u>2.489.987.121</u>	<u>2.432.945.291</u>
<b>(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan</b>		
	<b>30.6.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Phải thu khách hàng (Thuyết minh 4)</b>		
Các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	21.690.214.038	46.020.979.248
Công ty TNHH Technip Việt Nam	4.444.118.186	14.843.292.141
Petro Việt Nam	1.122.581.600	1.216.553.276
	<u>27.256.913.824</u>	<u>62.080.824.665</u>
<b>Các khoản phải thu khác (Thuyết minh 6)</b>		
Các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	10.274.384.022	10.274.384.022
Petro Việt Nam	-	294.150.772
	<u>10.274.384.022</u>	<u>10.568.534.794</u>
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	13.608.000	144.230.903
	<u>13.608.000</u>	<u>144.230.903</u>



**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**


**(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan (tiếp theo)**


	<b>30.6.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	19.774.592.024	15.386.503.211
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh 13)</b>		
Các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	51.152.208.192	56.517.895.024
Petro Việt Nam	1.943.565.312	2.037.536.988
	<u>53.095.773.504</u>	<u>58.555.432.012</u>
<b>Các khoản phải trả khác (Thuyết minh 16)</b>		
Petro Việt Nam	8.647.226.364	16.149.561.939
Các cổ đông khác	1.701.477.575	1.701.477.575
	<u>10.348.703.939</u>	<u>17.851.039.514</u>



**31 CÁC SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt ngày 29 tháng 8 năm 2014.

  
 \_\_\_\_\_  
 Lê Quang Thắng  
 Người lập

  
 \_\_\_\_\_  
 Hồ Khả Thịnh  
 Kế toán trưởng

  
  
 \_\_\_\_\_  
 Đỗ Văn Thanh  
 Tổng Giám đốc